

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 06/01/2023
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Chiêu
2. Ông Trần Văn Phước

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL: Bà Lý Thị Nhiên - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 335/2022/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 284/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1988; địa chỉ: Khóm 1, phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh BL
 - Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp Tường Tur, xã HP, huyện PL, tỉnh BL
- (Chị Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Trần Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 2007, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đã được UBND xã HP cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn

ngày 19/12/2016. Trong thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau. Hiện nay, chị L nhận thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn T

- *Về con chung*: Có 03 con chung là Nguyễn Quốc Toán, sinh ngày 13/01/2009, Nguyễn Tường Duy, sinh ngày 12/02/2007 và Nguyễn Mộng Tuyền, sinh ngày 08/7/2013. Hiện nay cả 03 người con đang sống với anh T. Khi ly hôn chị L đồng ý giao con cho anh T nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L ly hôn với anh T;

+ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Quốc Toán, sinh ngày 13/01/2009, Nguyễn Tường Duy, sinh ngày 12/02/2007 và Nguyễn Mộng Tuyền, sinh ngày 08/7/2013 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị L có, quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

- + Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.
- + Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu
- + Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Văn T, anh T có địa chỉ cư trú tại huyện PL. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL. Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị L, anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T sống chung từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh T là hợp pháp, tuy nhiên trong quá trình sống chung chị L, anh T xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau. Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, sống chung với nhau nhưng chị L, anh T đã sống ly thân, không ai quan tâm vun vén hạnh phúc gia đình. Từ khi sống ly thân đến nay, hai bên không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 người con chung là Nguyễn Quốc Toán, sinh ngày 13/01/2009, Nguyễn Tường Duy, sinh ngày 12/02/2007 và Nguyễn Mộng Tuyền, sinh ngày 08/7/2013, hiện nay cả 02 cháu Toán và cháu Tuyền đang sống chung với anh T, cháu Duy hiện tại không có mặt tại địa phương. Khi ly hôn chị L đồng ý giao cả 03 người con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Theo khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định*

giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Hội đồng xét xử xét thấy, qua tiếp xúc cháu Nguyễn Quốc Toán, sinh ngày 13/01/2009 và Nguyễn Mộng Tuyền thì cả 02 cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với anh T. Từ lúc sống ly thân đến nay, cháu Toán, cháu Tuyền đều do anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, được ăn học và tâm sinh lý phát triển tốt. Nhằm đảm bảo không làm xáo trộn đời sống của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Đối với cháu Nguyễn Tường Duy thì hiện nay vắng mặt tại địa phương nên không ghi nhận được nguyện vọng của cháu muốn chung sống với ai khi chị L và anh T ly hôn như quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy, việc xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên chỉ là một trong những yếu tố Tòa án phải xem xét trong quá trình giải quyết vụ án, việc quyết định giao con cho bên nào trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Duy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Tường Duy cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Sau khi ly hôn chị Trần Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết

[5] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng, chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L, cho chị Trần Thị L ly hôn với anh Nguyễn Văn T

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Quốc Toán, sinh ngày 13/01/2009, Nguyễn Tường Duy, sinh ngày 12/02/2007 và Nguyễn Mộng Tuyền, sinh ngày 08/7/2013 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn chị L có, quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

- *Về tài sản chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

- *Về án phí*: Chị Trần Thị L chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0005448 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PL được chuyển thu án phí.

- *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện PL;
- THADS huyện PL;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã HP;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thanh Liêm

